

# Piedmont Hills High School (Trung học Phổ thông Piedmont Hills)

2022-2023 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường  
(Xuất bản trong năm học 2023-2024)



## Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

### Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web về LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

### DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

### Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng thông tin Trường học California (Bảng thông tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học sinh. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

## Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

## Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2023 – 2024

<b>Tên Trường</b>	Piedmont Hills High School (Trung học Phổ thông Piedmont Hills)
<b>Đường</b>	1377 Piedmont Rd.
<b>Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip</b>	San Jose, CA, 95132
<b>Số điện thoại</b>	408.347.3800
<b>Hiệu trưởng</b>	Ginny Davis
<b>Địa chỉ Email</b>	davisg@esuhsd.org
<b>Trang web của Trường</b>	<a href="https://piedmonthillshigh.esuhsd.org/home">https://piedmonthillshigh.esuhsd.org/home</a>
<b>Mã Học khu của Quận (CDS)</b>	43694274335907

## Thông tin liên hệ của học khu năm học 2023-24

<b>Tên Học khu</b>	East Side Union High School District (Học Khu Trung Học Phổ Thông East Side Union)
<b>Số điện thoại</b>	(408) 347-5000
<b>Giám đốc</b>	Glenn Vander Zee
<b>Địa chỉ Email</b>	vanderzeeg@esuhsd.org
<b>Trang web Học khu</b>	www.esuhsd.org

## Mô tả và Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường năm học 2023 – 2024

Chào mừng quý vị đến với Piedmont Hills High School – ngôi nhà của Hải tặc. Sứ mệnh của chúng tôi là mang đến chương trình học tập mạnh mẽ cho toàn bộ học sinh để các em vững bước phát triển ở xã hội toàn cầu. Tại đây, giáo viên, học sinh, phụ huynh và bộ phận quản trị trường cùng phối hợp với nhau để đảm bảo môi trường học tập tốt nhất cho các em học sinh. Học sinh được ghi danh vào các khóa học để chuẩn bị cho hành trình bốn năm ở mọi trường đại học trên cả nước. Bản sắc của trường là chương trình học đầy thách thức và khắt khe cùng nhiều đội thể thao, câu lạc bộ học sinh và tổ chức phục vụ cộng đồng. Nhà trường có dạy các khoá Bồi dưỡng Nâng cao (AP) môn Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Pháp, Lịch sử Châu Âu, Lịch sử Thế giới, Lịch sử Hoa Kỳ, Chính quyền Hoa Kỳ, Kinh tế Vi mô, Ngôn ngữ Anh, Văn học Anh, Sinh học, Hóa học, Tâm lý 1 và 2, Khoa học Môi trường, Khoa học Máy tính A, Nguyên lý Khoa học Máy tính, Giải tích AB và BC, Số liệu Thống kê. Chương trình học của bộ phận biểu diễn nghệ thuật bao gồm kịch nghệ, hợp xướng, dàn nhạc, ban nhạc jazz và ban nhạc nâng cao. Chương trình ngoại ngữ có dạy Tiếng Việt, Tiếng Pháp và Tiếng Tây Ban Nha và Tiếng Hoa. Một trải nghiệm trung học phổ thông bao quát, toàn diện đang chờ đợi từng em học sinh. Là một cộng đồng học tập, chúng tôi cam kết với Lẽ lối của Hải tặc, chúng tôi là: Người Giải quyết Vấn đề, Người Tư duy Độc lập, Cá nhân có Trách nhiệm, Học giả có khả năng thích ứng cao, Hiểu biết về Công nghệ và Giao tiếp Hiệu quả.

Tầm nhìn của Trung học Phổ thông Piedmont Hills (PHHS):

Piedmont Hills High School là trung tâm học tập dựa trên cộng đồng, nơi tất cả học sinh đều cảm nhận bầu không khí của sự thành công, đổi mới và là nơi các em có khả năng tự ra quyết định cho mình.

## Mô tả và Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường năm học 2023 – 2024

Sứ mệnh của PHHS:

Xây dựng một cộng đồng trường học mang lại nền tảng giáo dục vững chắc cho tất cả học sinh, để các em vững tâm phát triển ở một xã hội toàn cầu, đồng thời phát triển những kỹ năng cần thiết để các em khai phá tiềm năng của bản thân.

-----

## Giới thiệu về Trường

### Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023

Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 9	496
Lớp 10	514
Lớp 11	454
Lớp 12	461
Tổng Ghi danh	1,925

### 2022-23 Student Enrollment by Student Group

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	48.2%
Nam	51.8%
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.1%
Người gốc Châu Á	55.9%
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	1.4%
Người Phi Luật Tân	7.6%
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	24.9%
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.5%
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	5%
Người Da trắng	4.5%
Sinh viên nói tiếng anh	9.1%
Những đứa con nuôi	0.1%
Vô gia cư	2.6%
Nhập cư	0.1%
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	23.9%
Học sinh khuyết tật	10.3%

## A. Điều kiện Học tập

### Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

### Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	76.60	92.00	943.40	83.36	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.70	0.90	29.90	2.65	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	1.30	1.67	71.80	6.35	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	2.20	2.70	25.50	2.25	12115.80	4.41
Không xác định	2.20	2.70	60.90	5.39	18854.30	6.86
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>83.20</b>	<b>100.00</b>	<b>1131.80</b>	<b>100.00</b>	<b>274759.10</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

### Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	79.60	93.99	943.60	82.39	234405.20	84.00
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	35.40	3.10	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.06	79.50	6.95	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	1.20	1.46	25.60	2.24	11953.10	4.28
Không xác định	3.70	4.47	60.90	5.32	15831.90	5.67
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>84.70</b>	<b>100.00</b>	<b>1145.30</b>	<b>100.00</b>	<b>279044.80</b>	<b>100.00</b>

CDE đã công bố dữ liệu giáo viên có sẵn năm đầu tiên cho SARC năm học 2020 – 2021 vào tháng 6 năm 2022 và CDE đã công bố dữ liệu năm thứ hai cho SARC năm học 2021 – 2022 vào tháng 6 năm 2023. Mục 33126(b)(5) của EC yêu cầu dữ liệu giáo

viên của ba năm gần đây nhất phải có trong SARC, vì dữ liệu có sẵn. Dữ liệu giáo viên cho SARC năm học 2022 – 2023 sẽ không có trước ngày 1 tháng 2 năm 2024, do đó không được đưa vào mẫu.

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

### Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
<b>Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ</b>	0.00	0.00
<b>Bổ nhiệm sai</b>	1.30	0.00
<b>Các vị trí còn trống</b>	0.00	0.00
<b>Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai</b>	1.30	0.00

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

### Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ báo	2020-21	2021-22
<b>Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận</b>	2.00	0.80
<b>Tùy chọn phân công nội bộ</b>	0.20	0.40
<b>Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn</b>	2.20	1.20

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

### Phân công lớp học

Chỉ báo	2020-21	2021-22
<b>Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	2.5	0
<b>Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	6.1	0

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

## Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác

Piedmont High School sử dụng sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy đã được Ủy ban Chính sách Giảng dạy (IPC) của chúng tôi phê duyệt và thông qua. Các học liệu này chủ yếu hỗ trợ trực tiếp việc giảng dạy dựa trên tiêu chuẩn, phù hợp với việc giảng dạy cốt lõi chung.

Tháng, năm thu thập dữ liệu

Tháng Mười Một năm 2023

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
<b>Đọc/Ngôn ngữ</b>	Tiếng Anh 1 – CommonLit, Inc. Lớp 9, 2023 “The Language of Literature” Lớp 9, McDougal Littell 2002 Tiếng Anh 2 – CommonLit, Inc. Lớp 10, 2023 “The Language of Literature” Lớp 10 McDougal Littell 2002 Tiếng Anh 3 – MyPerspectives: American Literature//Pearson Tiếng Anh 4 – “The Language of Literature” Lớp 12, McDougal Littell 2002 ERWC – Expository Reading and Writing Course Student Reader 2021 AP Thành phần và Ngôn ngữ – The Norton Reader AP Thành phần và Ngôn ngữ – The Intro to Literature	Có	0%
<b>Toán</b>	Tiêu chuẩn Tiểu bang Kiến thức Cốt lõi Chung (CCSS) Toán 1 – “Big Ideas Integrated Mathematics I”, Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Toán 2 – “Big Ideas Integrated Mathematics II”, Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Toán 3 – “Big Ideas Integrated Mathematics III”, Big Ideas Learning, LLC 2016 Giải tích Toán học – “Precalculus With Limits A Graphing Approach 8e” Cengage Learning 2020, 2015 AP Giải tích AB – “Calculus 11e” Cengage Learning 2018, 2014 AP Giải tích BC – “Calculus 11e” Cengage Learning 2018, 2014 AP Số Liệu Thống Kê – The Practice of Statistics, Bản cập nhật lần thứ 6: BFW; 2020 AP Khoa học máy tính A – Tài liệu trực tuyến Suy luận Toán học qua Các mối quan hệ – tài liệu về MRWC do trường Đại học Tiểu bang California (CSU) cung cấp	Có	0%
<b>Khoa học</b>	Tiêu chuẩn Khoa học cho Thế hệ tiếp (NGSS) cho môn Sinh học – The Living Earth – Sách điện tử CK-12 NGSS Chemistry in Earth’s System – Sách điện tử CK-12 NGSS Physics of the Universe – Sách điện tử CK-12 A Hands-on Introduction to Forensic Science 2014 AP Sinh học – Biology for the AP Course – Morris et al, Bedford, Freeman, & Worth 2022 AP Hóa học – Chemistry The Central Science – Brown & Lemay AP Vật lý 1 và 2 – Physics AP – Cutnell and Johnson, Wiley 2012 AP Khoa học Môi trường – Living In The Environment – Miller/Spoonman – Cengage 2015	Có	0%

	AP Vật lý C – Physics with MOD Physic for Scientists and Engineers – Knight/Pearson 2013 AP Khoa học Môi trường – Living In The Environment – Miller/Spoonman – Cengage 2015 Sinh lý học – Hole’s Essentials of Anatomy and Physiology, McGraw Hill, 2002 Living Earth Essentials – Sách điện tử CK-12 Physical Science Essentials – Sách điện tử CK-12		
<b>Lịch sử-Khoa học Xã hội</b>	Lịch sử Thế giới – “World History Interactive” SAVVAS 2022 Lịch sử Mỹ – “United States History Interactive” SAVVAS 2022 Chính quyền Mỹ – “Government Alive! Power, Politics and You” TCI 2014 Kinh tế học – “Econ Alive! The Power to Choose” TCI 2015 AP Lịch sử Thế giới – “The Earth and Its Peoples AP Edition” Cengage Learning 2018 AP Lịch sử Mỹ – “America’s History for the AP Course” Bedford 2014 AP Chính phủ – “Government in America” Pearson Learning 2014 AP Kinh tế Vĩ mô/Vi mô – “Economics (AP)” McGraw Hill 2014 AP Địa lý Con người – AP Địa lý Con người – “Human Geography for the AP Course” 2022 AP Tâm lý học – “Psychology for AP” Worth 2015 Địa lý Thế giới – “Geography Alive!” TCI 2011 Different Mirror for Young People a History 2012 Thinking About Psychology BFW 2019 “The Real World An Introduction to Sociology” Norton 2022 “Street Law” McGraw Hill 2023 “Juvenile Justice” McGraw Hill 2023	Có	0%
<b>Ngoại ngữ</b>	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
<b>Giáo dục Sức khỏe</b>	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
<b>Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn</b>	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
<b>Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)</b>	Không có thông tin	Không có thông tin	0%

### Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

#### Tổng quan

Học khu nỗ lực để đảm bảo rằng tất cả trường học đều sạch sẽ, an toàn và hoạt động bình thường. Để hỗ trợ nỗ lực này, Học khu sử dụng một công cụ khảo sát cơ sở vật chất được State of California Office of Public School Construction (Văn phòng Xây dựng trường công lập của Tiểu bang California) xây dựng. Kết quả của cuộc khảo sát có sẵn ở văn phòng nhà trường và văn phòng học khu.

#### Quy trình và Lịch Vệ sinh

## Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Hội đồng Chưởng quản của học khu đã thông qua tiêu chuẩn vệ sinh cho toàn bộ trường học trong học khu. Hàng ngày, bộ phận Lãnh đạo làm việc với nhân viên giám hộ để xây dựng lịch vệ sinh nhằm bảo đảm giữ gìn vệ sinh và an toàn cho trường học. Học sinh và nhân viên dẫn dắt cộng đồng Piedmont Hills High School tổ chức tô điểm khuôn viên trường mỗi năm.

### Ngân sách Bảo trì Trì hoãn

Học khu tham gia Chương trình Bảo trì Trì hoãn cho Trường học của Tiểu bang, cấp quỹ đối ứng cấp tiểu bang trên cơ sở từng đồng, để hỗ trợ chi phí cho các học khu bảo trì hoặc thay mới đáng kể các cấu phần của tòa nhà trong trường hiện có. Thông thường, điều này bao gồm phần mái nhà, hệ thống ống nước, sửa ẩm, điều hoà không khí, điện, sơn nội thất hoặc ngoại thất và hệ thống sàn nhà.

### Thời gian đi vào hoạt động của các tòa nhà trong trường

Dù cơ sở chính của nhà trường được xây vào năm 1966, các tòa nhà di động đã được bổ sung để đáp ứng quá trình hiện đại hoá, cũng như các lớp khoa học, giáo dục đặc biệt và toán học.

### Dự án Hiện đại hoá

Dự án cải tạo sân bóng mềm được hoàn thiện vào tháng Tư năm 2010.

Việc lắp đặt các tấm năng lượng mặt trời ở bãi đỗ xe của học sinh được hoàn thiện vào tháng Ba năm 2011.

Phòng thể dục phụ trợ mới được hoàn thiện vào tháng Bảy năm 2013.

Lát lại bề mặt đường chạy điền kinh, hoàn thiện vào tháng Tám năm 2013.

Thay mới băng ghế và sàn phòng thể dục chính được hoàn thiện vào tháng Tám năm 2013.

Nâng cấp camera an ninh giám sát, tháng Bảy năm 2016.

Hồ bơi mới, hoàn thiện tháng Tư năm 2017.

Mái lợp mới cho trường, hoàn thiện tháng Tám năm 2017.

Hệ thống báo cháy mới và hiện đại, hoàn thiện tháng Mười Hai năm 2017.

Dự án thay mới Hệ thống sưởi, thông gió và điều hoà không khí (HVAC) vẫn đang tiếp tục.

Tòa nhà khoa học, xây mới, hoàn thiện vào mùa xuân năm 2019.

Dự án thay mới lớp đất cỏ cho sân bóng bầu dục, hoàn thiện vào mùa xuân năm 2019.

Cải tạo sân bóng đá/điền kinh, dự án hoàn thiện vào mùa đông năm 2019.

Lát lại bề mặt sân tennis, hoàn thiện vào mùa đông năm 2019.

Nhà vệ sinh và khu dịch vụ đồ ăn của sân vận động bóng bầu dục, hoàn thiện vào mùa thu năm 2020.

Dự luật Công khó Phiếu Z 19 triệu đô-la, Tòa nhà Phòng học Biểu diễn Nghệ thuật, đang triển khai, dự kiến hoàn thành vào mùa hè năm 2024.

Sửa chữa và Thay thế Mái che Khuôn viên, Đang triển khai.

**Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:**

Tháng Mười năm 2023

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
<b>Hệ thống:</b> Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hoà không khí (HVAC), Cổng rãnh	X			
<b>Bên trong:</b> Các Bề Mặt Bên trong			X	Phát hiện gạch trần nhà bị hỏng, thấm bị ố và/hoặc rách tại nhiều không gian.
<b>Sạch Sẻ:</b> Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			
<b>Điện</b>	X			
<b>Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy:</b> Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			



## Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

<b>Bảo vệ:</b> An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm			X	Một vài phòng dùng dây điện nối dài làm nguồn cấp điện, bình cứu hỏa bị chặn.
<b>Cấu Trúc:</b> Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
<b>Bên Ngoài:</b> Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			

## Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		

## B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

### Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

#### Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thấm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thấm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thấm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
- Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).

#### Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

## Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
<b>Văn Chương Anh Ngữ/Độc Viết</b> (lớp 3-8 và lớp 11)	79	78	58	58	47	46
<b>Toán</b> (lớp 3-8 và lớp 11)	59	55	34	32	33	34

## 2022-23 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	448	439	97.99	2.01	77.90
<b>Nữ</b>	214	213	99.53	0.47	83.10
<b>Nam</b>	234	226	96.58	3.42	73.01
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Châu Á</b>	248	246	99.19	0.81	86.99
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	38	37	97.37	2.63	89.19
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	106	101	95.28	4.72	55.45
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	25	24	96.00	4.00	87.50
<b>Người Da trắng</b>	21	21	100.00	0.00	47.62
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	47	46	97.87	2.13	30.43
<b>Những đứa con nuôi</b>	0	0	0	0	0
<b>Vô gia cư</b>	--	--	--	--	--
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0	0	0

<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	105	101	96.19	3.81	68.32
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	--	--	--	--	--
<b>Học sinh khuyết tật</b>	46	39	84.78	15.22	20.51

## Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	448	436	97.32	2.68	54.59
<b>Nữ</b>	214	213	99.53	0.47	57.28
<b>Nam</b>	234	223	95.30	4.70	52.02
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Châu Á</b>	248	246	99.19	0.81	71.54
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	38	35	92.11	7.89	45.71
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	106	101	95.28	4.72	23.76
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	25	24	96.00	4.00	41.67
<b>Người Da trắng</b>	21	20	95.24	4.76	50.00
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	47	46	97.87	2.13	23.91
<b>Những đứa con nuôi</b>	0	0	0	0	0
<b>Vô gia cư</b>	--	--	--	--	--
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0	0	0
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	105	99	94.29	5.71	39.39
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	--	--	--	--	--
<b>Học sinh khuyết tật</b>	46	37	80.43	19.57	10.81

## Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm CAST và CAA. “Phần trăm đáp ứng hoặc vượt qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của CAST cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3 - Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
<b>Khoa học</b> (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	54.49	58.61	37.64	38.21	29.47	30.29

## Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	913	894	97.92	2.08	57.94
<b>Nữ</b>	441	435	98.64	1.36	60.92
<b>Nam</b>	472	459	97.25	2.75	55.12
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Châu Á</b>	514	507	98.64	1.36	74.36
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	12	11	91.67	8.33	54.55
<b>Người Phi Luật Tân</b>	70	69	98.57	1.43	53.62
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	210	202	96.19	3.81	22.28
<b>Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc</b>	52	50	96.15	3.85	54.00
<b>Người Da trắng</b>	48	48	100.00	0.00	47.92
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	71	68	95.77	4.23	8.82
<b>Những đứa con nuôi</b>	0	0	0	0	0
<b>Vô gia cư</b>	24	23	95.83	4.17	17.39
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0	0	0
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	238	229	96.22	3.78	44.54
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	--	--	--	--	--
<b>Học sinh khuyết tật</b>	91	80	87.91	12.09	10.00

## Chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật năm học 2022 – 2023

Chương trình Khởi nghiệp: Học sinh tốt nghiệp chương trình sẽ có tất cả các kỹ năng cơ bản cần thiết để khởi nghiệp, bắt đầu sự nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh hoặc có được khởi đầu thuận lợi cho tấm bằng đại học.

Đặc điểm của Chương trình

- Bốn phòng thí nghiệm máy tính đầy đủ, tân tiến. Phòng thí nghiệm được trang bị phần mềm, phần cứng, hệ thống thuyết trình và thiết bị ngoại vi mới nhất.
- Chứng chỉ chuyên môn về Microsoft Word và Microsoft Excel.
- Học sinh có cơ hội để tham gia vào một doanh nghiệp do học sinh đứng đầu
- Học sinh sẽ học cách sử dụng tất cả những phần mềm sau: Microsoft Office, Adobe Photoshop, Adobe InDesign, Adobe Illustrator, Adobe Dreamweaver và Adobe Flash
- Có các khóa học về Kế toán, Microsoft Office, Thiết kế Đồ họa, Thiết kế web, Khởi nghiệp, Lập trình Máy tính
- Học sinh có thể lấy tín chỉ đại học cho tất cả các khóa Chuyên Kinh doanh. (giới hạn ở một số trường cụ thể)

Sản xuất: Học sinh phát triển các kỹ năng tiền kỹ thuật trong việc sử dụng phần mềm Thiết kế và Phác thảo được Máy tính Hỗ trợ (CADD), cũng như hiểu bản vẽ sơ đồ kiến trúc và sơ đồ mặt bằng.

Xây dựng: Học sinh phát triển các kỹ năng xây dựng cơ bản thông qua việc sử dụng máy móc hiện đại.

## Tham gia chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật (CTE) năm học 2022 – 2023

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	506
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	91.2
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	

## Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Học sinh ghi danh vào các khóa học bắt buộc để vào UC/CSU năm học 2022 – 2023	97.61
Học sinh tốt nghiệp đã hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc để vào UC/CSU năm học 2021 – 2022	63.89

## B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

## Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

## Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California năm học 2022 – 2023

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California. Công tác quản lý PFT trong các năm học 2021 – 2022 và 2022 – 2023, chỉ yêu cầu kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 9	94.6	95.4	96.4	96.4	97.6

### C. Tham Gia

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

### Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2023 – 2024

Mục tiêu của chúng tôi là tạo ra một môi trường chú trọng vào nhận thức của phụ huynh, cho phép tôn vinh sự đa dạng sắc tộc và ngôn ngữ tuyệt vời, phản ánh đúng học sinh của Piedmont Hills. Hội đồng cơ sở nhà trường và các câu lạc bộ khích lệ phụ huynh của chúng tôi hoạt động tích cực. Câu lạc bộ Khích lệ Phụ huynh họp hằng tháng qua Zoom. Nhà trường sử dụng một loạt các nguồn lực để giao tiếp hiệu quả với phụ huynh và học sinh. Phụ huynh được mời Zoom với Hiệu trưởng mỗi sáng thứ Tư lúc 9 giờ sáng. Bộ phận cố vấn thường xuyên tổ chức các sự kiện buổi tối để chia sẻ kiến thức với phụ huynh về dịch vụ đại học và nghề nghiệp mà chúng tôi cung cấp ở trường. Một bản tin được gửi đến phụ huynh mỗi tối thứ Bảy để giải thích các sự kiện sắp tới và khuyến khích phụ huynh tham gia.  
Đầu mối liên hệ: Rupert Rosales (408) 347-3842

### C. Tham Gia

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

### Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Trung học 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Tỷ Lệ Bỏ Học	4.3	1.8	2.9	14	13.6	15.2	9.4	7.8	8.2

<b>Tỷ Lệ Tốt Nghiệp</b>	92.9	94.7	94.3	77.2	81.5	77.8	83.6	87	86.2
-------------------------	------	------	------	------	------	------	------	----	------

### Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại [www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp](http://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp).

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
<b>Bất kỳ học sinh</b>	453	427	94.3
<b>Nữ</b>	223	208	93.3
<b>Nam</b>	230	219	95.2
<b>Phi nhị giới</b>			
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0	0	0.00
<b>Người gốc Châu Á</b>	268	260	97.0
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	32	30	93.8
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	92	80	87.0
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	26	25	96.2
<b>Người Da trắng</b>	26	25	96.2
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	39	31	79.5
<b>Những đứa con nuôi</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Vô gia cư</b>	23	19	82.6
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	162	145	89.5
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho</b>	--	--	--
<b>Học sinh khuyết tật</b>	45	32	71.1

### Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
<b>Bất kỳ học sinh</b>	1981	1959	219	11.2
<b>Nữ</b>	948	938	111	11.8
<b>Nam</b>	1032	1020	108	10.6
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	2	2	1	50.0
<b>Người gốc Châu Á</b>	1091	1087	35	3.2
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	28	28	12	42.9

Người Phi Luật Tân	146	145	11	7.6
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	512	496	130	26.2
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	12	12	2	16.7
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	103	103	14	13.6
Người Da trắng	87	86	14	16.3
Sinh viên nói tiếng anh	186	182	25	13.7
Những đứa con nuôi	2	1	0	0.0
Vô gia cư	62	61	24	39.3
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	553	538	112	20.8
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	2	2	0	0.0
Học sinh khuyết tật	228	223	81	36.3

## C. Tham Gia

### Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

## Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Tốc độ	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Đình chỉ	0.24	2.93	2.98	0.03	3.41	3.72	0.20	3.17	3.60
Đuổi học	0.00	0.05	0.00	0.00	0.08	0.05	0.00	0.07	0.08

## Tình trạng đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	2.98	0
Nữ	2.85	0
Nam	3.1	0
Phi nhị giới		
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0
Người gốc Châu Á	1.19	0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	3.57	0



Người Phi Luật Tân	1.37	0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	6.84	0
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	8.33	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	1.94	0
Người Da trắng	5.75	0
Sinh viên nói tiếng anh	6.99	0
Những đứa con nuôi	0	0
Vô gia cư	4.84	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	5.61	0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0	0
Học sinh khuyết tật	10.96	0

## Kế hoạch Đảm bảo an toàn Trường học năm học 2023 – 2024

Với việc triển khai Dự luật Thượng viện (SB) 187, tất cả trường học thuộc Học Khu Trung Học Phổ Thông East Side Union (ESUHSD) bắt buộc phải xây dựng và tái xét kế hoạch an toàn toàn diện của nhà trường hàng năm. Ngoài quá trình tái xét kế hoạch an toàn hàng năm, SB 187 xác định các yếu tố trọng yếu của một kế hoạch an toàn toàn diện của nhà trường. Các yếu tố này bao gồm việc đánh giá tại cơ sở tình trạng hiện tại của nhà trường ở các khía cạnh an toàn, tội phạm trường học, cùng các chiến lược và chương trình phù hợp để cung cấp hoặc duy trì mức độ an toàn học đường cao. Kế hoạch An toàn Toàn diện của Piedmont Hills được tái xét và cập nhật vào mùa thu năm 2021 và mùa đông 2022, đã được Hội đồng Cơ sở Trường học và Hội đồng Giáo dục ESUHSD phê duyệt vào tháng Ba năm 2022. Toàn bộ kế hoạch được đăng tải trên trang mạng của nhà trường. Piedmont Hills nỗ lực để cung cấp môi trường học tập an toàn, vệ sinh và thoải mái cho các em học sinh.

Khuôn viên nhà trường được bộ phận quản trị trường, giám sát khuôn viên trường, cố vấn và một vài giáo viên thuộc nhóm an toàn theo dõi cả ngày. Cuộc họp an toàn với đối tác cộng đồng hàng tháng được tổ chức với sự tham gia của các cố vấn, Hiệp hội Hoạch định Hoa Kỳ (APA), giám sát khuôn viên trường và nhân viên từ các trường học phụ trợ xung quanh để thảo luận các vấn đề an toàn có thể ảnh hưởng đến cộng đồng trường học của chúng ta. Nhóm an toàn của nhà trường gồm APA, cố vấn, giám sát khuôn viên trường, giáo viên, học sinh, phụ huynh. Nhóm này họp để thảo luận về các vấn đề an toàn trên khuôn viên trường. Piedmont Hills High School là khuôn viên đóng, mọi khách đều phải đăng ký ở tòa nhà hành chính và nhận thẻ khách trước khi đi vào khuôn viên trường.

## 2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	28	9	65	1
Toán	27	13	50	6
Khoa học	29	7	46	10
Khoa học Xã hội	29	8	42	15

## 2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	27	11	64	
Toán	29	9	40	15
Khoa học	29	7	45	10
Khoa học Xã hội	29	8	53	2

## 2022-23 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2022-23. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	27	10	64	0
Toán	28	9	48	7
Khoa học	29	7	51	3
Khoa học Xã hội	29	7	45	8

## Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	385

## Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	5
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	0.5
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	2
Y Tá	
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	
Khác	5.4

## Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết chi tiêu trung bình cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2021 – 2022 của nhà trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$11,769	\$2,931	\$8,838	\$115,947
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$9,513	\$105,255
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-7.4	14.0
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,607	\$97,850
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	29.1	20.8

## Các loại dịch vụ được tài trợ năm tài chính 2022 – 2023

Piedmont Hills nhận tài trợ tối thiểu từ các chương trình của tiểu bang và liên bang để cung cấp trợ giúp bổ sung cho các em học sinh. Nhà trường tận dụng thu nhập từ việc cho thuê cơ sở vật chất, cũng như tiền Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm tại Địa phương (LCAP) của học khu để tài trợ cho các dịch vụ can thiệp và hỗ trợ bổ sung cho học sinh, chẳng hạn như dạy kèm và các lớp phục hồi mùa hè.

## Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$64,471	\$57,234
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$101,894	\$95,467
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$130,638	\$122,669
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$0	
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$0	\$153,476
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$171,239	\$173,198
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$280,339	\$277,572
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	32.81%	31.17%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	3.17%	4.46%

## Khóa học cho Lớp nâng cao (AP) năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

<b>Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP</b>	36.7
--	------

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	4
Tiếng Anh	7
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	0
Ngoại ngữ	3
Toán	10
Khoa học	10
Khoa học Xã hội	15
<b>Tổng số khóa học AP đã cung cấp</b> Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.	49

## Phát triển Chuyên môn

Cơ hội phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhân viên rất đa dạng và có liên kết rõ ràng, nhất quán với tiêu chuẩn của tiểu bang, mục tiêu của học khu và giá trị cốt lõi của nhà trường, đồng thời diễn ra trong năm học và thời gian nghỉ hè. Nhà trường có kế hoạch nhất quán, toàn diện để phát triển chuyên môn, dựa trên dữ liệu và trực tiếp đi liền với công tác dạy và học. Giáo viên và nhân viên không chỉ tham gia vào các cơ hội phát triển chuyên môn ở nhà trường, họ còn tận dụng nhiều cơ hội phát triển

## Phát triển Chuyên môn

chuyên môn của Học khu. Ngoài ra, nhiều giáo viên theo học các lớp phát triển chuyên môn ở các trường đại học và cao đẳng địa phương, dự các hội thảo do Santa Clara County Office of Education (Văn phòng Giáo dục Quận Santa Clara) tổ chức. Nhà trường đã xây dựng và triển khai thành công một mô hình hợp tác để phát triển chuyên môn. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp toàn bộ phận và toàn trường để giáo viên có thể tiếp tục phát triển chuyên môn, nhằm hỗ trợ nỗ lực trên toàn trường để điều chỉnh chương trình học phù hợp với tiêu chuẩn nội dung nghiêm ngặt của tiểu bang, cũng như hỗ trợ giảng dạy cho hoạt động đọc viết và phân hóa học sinh theo trình độ, từ đó đảm bảo tất cả các em đều có thể đạt thành tích.

Để đảm bảo một chu kỳ cải tiến liên tục, phát triển chuyên môn được cá nhân hoá để giải quyết nhu cầu của tất cả giáo viên bộ môn, nhân viên và quản trị viên. Hoạt động phát triển chuyên môn cho giáo viên không chỉ phản ánh biện pháp tốt nhất có thể thực hiện, mà việc này cũng phù hợp với Tiêu chuẩn của California về Nghề giáo. Giáo viên và nhân viên tham gia phát triển chuyên môn phù hợp với lĩnh vực cá nhân của mình và kế hoạch của học khu ở các cấp độ khác nhau. Ở cấp nhà trường, phát triển chuyên môn được cấu trúc để có trọng tâm tổng quát (ví dụ: hướng dẫn dựa trên tiêu chuẩn) và các khía cạnh cụ thể của chương trình phát triển chuyên môn (ví dụ: chiến lược giảng dạy cụ thể) được cá nhân hoá để giải quyết các động lực và nhu cầu của lĩnh vực nội dung cụ thể. Ví dụ: với môn Tiếng Anh, giáo viên kiểm tra bài làm của học sinh để xác định các chiến lược giảng dạy dựa trên tiêu chuẩn hiệu quả. Với môn Thể dục, giáo viên xem xét dữ liệu của FitnessGram để thiết lập các chiến lược giảng dạy hiệu quả để giảng dạy thể dục thể chất. Học khu cũng mang đến nhiều cơ hội phát triển chuyên môn để mở rộng kiến thức của giáo viên, nâng cao kỹ năng quản lý lớp học và nâng cao danh mục các chiến lược giảng dạy tốt nhất.

PHHS có lịch hợp tác hàng tuần cho việc phát triển chuyên môn vào mỗi chiều thứ Năm.

-----

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2021-22	2022-23	2023-24
<b>Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên</b>	34	29	34